



BANG CONG KHAI THỰC PHAM HANG NGAY
(Ngày 08 tháng 01 năm 2026)

ST số: 729 trề (Trung tâm: 406; Hải Đông: 323 trề)

Tiền ăn: 23,520đ

Tiền an: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					12.584.000		7.016.000		5.568.000
1	Bí xanh	35.000	Kg	21	735.000	13 ✓	455.000	8	280.000
2	Bún khô	45.000	Kg	12	540.000	7 ✓	315.000	5	225.000
3	Cà rốt	30.000	Kg	1	30.000	0,5 ✓	15.000	0,5	15.000
4	Cải ngọt	35.000	Kg	9,3	325.500	5,1 ✓	178.500	4,2	147.000
5	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	0,6	30.000	0,5 ✓	25.000	0,1	5.000
6	Gừng tươi	60.000	Kg	1,5	90.000	0,8	48.000	0,7	42.000
7	Hành khô	60.000	Kg	0,6	36.000	0,3 ✓	18.000	0,3	18.000
8	Hành lá	45.000	Kg	1,8	81.000	1 ✓	45.000	0,8	36.000
9	hạt sen	200.000	Kg	0,4	80.000	0,3 ✓	60.000	0,1	20.000
10	Rau mùi	85.000	Kg	0,9	76.500	0,5 ✓	42.500	0,4	34.000
11	Thịt gà	130.000	Kg	48,7	6.331.000	25	3.250.000	23,7	3.081.000
12	Thịt ghe bóc nỡn	550.000	Kg	1,5	825.000	0,8	440.000	0,7	385.000
13	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	16	2.080.000	10	1.300.000	6	780.000
14	Tôm nõn	220.000	Kg	3,7	814.000	2,2	484.000	1,5	330.000
15	Xương ống lợn	85.000	Kg	6	510.000	4	340.000	2	170.000
Nhóm xuất kho					4.562.000		2.532.500		2.029.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	68,6	1.372.000	36,5	730.000	32,1	642.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	0,9	63.000	0,5	35.000	0,4	28.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0,8	12.000	0,5	7.500	0,3	4.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	4	240.000	2,5	150.000	1,5	90.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	12,5	2.875.000	7	1.610.000	5,5	1.265.000
Tổng chi					17.146.000		9.548.500		7.597.500
Tổng thu					17.146.080		9.549.120		7.596.960
Thừa (Thiếu)					80		620		-540